



mó zhàng

魔杖

noun • magic wand

Example Sentences

tā shǒu lǐ ná zhe yī gēn mó zhàng

他手里拿着一根魔杖。

He is holding a magic wand in his hand.

mó zhàng yī huī fáng jiān lǐ jiù liàng le qǐ lái

魔杖一挥，房间里就亮了起来。

With a wave of the magic wand, the room lit up.

zài gù shì lǐ mó zhàng shì wú shī zuì zhòng yào de gōng jù

在故事里，魔杖是巫师最重要的工具。

In the story, the magic wand is the wizard's most important tool.

Trace each character, then write the word on your own.

[illegible][illegible]